TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày 01/8/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;

Ông Trương Văn Mên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 và thông báo về việc dời thời gian mở phiên toà số 01/TB-TA, ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị L, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (bà L có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Kim Thị L1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (bà L1 có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Quang B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (ông B có mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim Na R, nguyên cán bộ Phòng giáo dục và đào tạo huyện C (ông Kim Na R có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Thạch Thị L trình bày: Vào năm 2021, bà có cho bà Kim Thị L1 vay số tiền 100.000.000 đồng (bà thừa nhận chữ viết ghi ngày 3/10/2021 do bà Kim Thị L1 cung cấp là chữ viết của bà), mục đích vay là chăn nuôi, không lấy lãi suất đến ngày 03/02/2022 mới làm hợp đồng vay, thỏa thuận lãi suất là 0,66%/ tháng,

thời hạn trả là 12 tháng. Bà L1 có đóng lãi cho bà được vài tháng với số tiền là 5.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi và xin bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, bà L1 trả được 3 tháng với số tiền là 9.000.000 đồng, hiện còn nợ bà số tiền 91.000.000 đồng nhưng bà L1 cứ hứa hoài mà không chịu trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B phải trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 102.205.000 đồng. Bà không yêu cầu lãi chậm trả. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Kim Thị L1 trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2021, bà có vay của bà Thạch Thị L số tiền là 150.000.000 đồng (bà nhận 03 lần mỗi lần là 50.000.000 đồng) mỗi tháng bà trả cho bà L là 9.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả cho bà L được 50.000.000 đồng tiền gốc và đóng lãi cho bà L 6.000.000 đồng hàng tháng, bà đóng lãi cho bà L đến đầu năm 2024 thì ngưng. Việc bà vay tiền và đóng lãi cho bà L không có làm giấy tờ gì. Đến ngày 03/02/2024 thì bà năn nỉ bà L không lấy lãi và cho bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng thì bà L thống nhất và ghi biên nhận vào ngày 03/02/2024 cho bà ký tên vào biên nhận, chữ ký trong biên nhận bà L cung cấp là chữ ký của bà, bà chỉ ký tên vào biên nhận, còn nội dung biên nhận và ngày, tháng là do bà L viết (nhưng bà L lại ghi vào biên nhận bà ký tên là ngày 03/02/2022 là không đúng với ngày bà ký vào biên nhận), do bà không viết chữ nên không biết. Hàng tháng vào ngày 30, bà có trả cho bà L 3.000.000 đồng, bà trả được 3 tháng đến tháng thứ 4 chưa đến ngày thì bà L đến đòi nợ nên bà có đưa cho bà L thêm 1.500.000 đồng. Tổng cộng bà trả cho bà L được 10.500.000 đồng hiện tại bà chỉ còn nợ bà L là 89.500.000 đồng (việc trả tiền không có làm giấy tờ gì và không ai chứng kiến), mục đích vay tiền là chăn nuôi heo. Lúc vay tiền thì chồng bà là ông Huỳnh Quang B không biết. Sau đó bà L đến đòi nợ thì chồng bà mới biết việc này. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà cùng ông Huỳnh Quang B phải trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 102.205.000 đồng thì bà đồng ý theo yêu cầu của bà L nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quang B trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của vợ ông (Kim Thị L1), việc vay tiền giữa vợ ông và bà Thạch Thị L như thế nào thì ông không biết. Khi bà L đến nhà đòi nợ thì ông mới biết việc này, mục đích vợ ông vay tiền của bà L là để chăn nuôi heo nhưng do thua lỗ nên không có khả năng trả tiền cho bà L. Nay ông thống nhất cùng vợ trả số tiền gốc và lãi là 102.205.000 đồng cho bà Thạch Thị L nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Bà Kim Thị L1 thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận "đề ngày

03/02/2022” là chữ ký của bà.

- *Bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B ý kiến:* Đồng ý trả cho bà Thạch Thị L số tiền gốc và lãi là 102.205.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông, bà xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng, từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B phải trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng cho bà L.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L1 và ông B phải chịu án phí theo quy định.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Thạch Thị L khởi kiện buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B phải trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B phải trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là

11.205.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ "đề ngày 03/02/2022".

Quá trình giải quyết vụ án, bà Kim Thị L1 thừa nhận vào khoảng năm 2021 bà có có mượn của bà Thạch Thị L số tiền là 150.000.000 đồng (bà nhận 03 lần mỗi lần là 50.000.000 đồng) mỗi tháng bà trả cho bà L là 9.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả cho bà L được 50.000.000 đồng tiền gốc và đóng lãi cho bà L 6.000.000 đồng hàng tháng, bà đóng lãi cho bà L đến đầu năm 2024 thì ngưng. Việc bà vay tiền và đóng lãi cho bà L không có làm giấy tờ gì. Đến ngày 03/02/2024 thì bà năn nỉ bà L không lấy lãi và cho bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng thì bà L thống nhất và ghi biên nhận vào ngày 03/02/2024 cho bà ký tên vào biên nhận. Đối với biên nhận "đề ngày 03/02/2022" do bà L cung cấp, bà thừa nhận là chữ ký của bà, bà chỉ ký tên vào biên nhận, còn nội dung biên nhận và ngày tháng là do bà L viết (nhưng bà L lại ghi vào biên nhận bà ký tên là ngày 03/02/2022 là không đúng với ngày bà ký vào biên nhận). Tuy nhiên, bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà và bà L viết biên nhận là vào năm 2024. Đồng thời các bên đương sự đều thừa nhận là bà L cho bà L1 vay tiền vào năm 2021.

Xét thấy vào khoảng năm 2021, bà Thạch Thị L có cho bà Kim Thị L1 vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi heo, việc vay tiền và giao nhận tiền thì ông Huỳnh Quang B là chồng bà L1 đều không biết. Khi viết biên nhận vào ngày 03/02/2022 thì ông B cũng không có chứng kiến. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông B thừa nhận mục đích bà L1 vay tiền của bà L là để chăn nuôi heo là sử dụng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Khi bà L đến đòi nợ thì ông mới biết việc này. Quá trình vay tiền bà L thừa nhận bà L1 có trả cho bà được 9.000.000 đồng tiền gốc nên bà L khởi kiện yêu cầu bà Kim Thị L1 cùng ông Huỳnh Quang B trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B đồng ý trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng cho bà Thạch Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B về việc đồng ý trả số tiền gốc là 91.000.000 đồng cho bà L.

- Về lãi suất: Xét thấy khi giao kết hợp đồng vay tiền vào năm 2021 các đương sự giao kết bằng lời nói, không làm giấy tờ. Sau đó mới làm biên nhận đề ngày 03/02/2022 thể hiện thời gian trả nợ và lãi suất cho vay, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất với nhau về mức lãi suất cụ thể:

Bà L trình bày mức lãi suất cho vay là 0,66%/tháng, bà L1 có đóng lãi cho bà được 5.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi. Bà L1 trình bày mỗi tháng đóng lãi cho bà L là 9.000.000 đồng đối với số tiền vay là 150.000.000 đồng. Sau đó trả gốc cho bà L được 50.000.000 đồng, còn nợ bà L là 100.000.000 đồng và tiếp tục đóng lãi 6.000.000 đồng/tháng cho bà L đến đầu năm 2024 thì ngưng đóng lãi, việc bà L1 vay tiền và đóng lãi cho bà L không có làm giấy tờ gì, không ai chứng kiến.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà Kim Thị L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền lãi bà đã đóng cho bà L từ năm 2021 cho

đến đầu năm 2024. Đồng thời bà L không thừa nhận việc này. Các đương sự cũng không tranh chấp về số tiền lãi đã đóng trước đó nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu bà Kim Thị L1 cùng ông Huỳnh Quang B trả tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024, theo mức lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đồng thời tại phiên tòa, bà Kim Thị L1 cùng ông Huỳnh Quang B đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của bà L nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L1 và ông B về việc đồng ý trả số tiền lãi là 11.205.000 đồng cho bà Thạch Thị L.

Từ những phân tích nêu trên căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị L số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng.

Bà Thạch Thị L không yêu cầu bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B trả lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về thời hạn trả tiền: Tại phiên tòa, bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Văn B1 yêu cầu trả hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng cho bà L cho đến khi thanh toán hết nợ nhưng bà L không đồng ý, do các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả tiền nên Hội đồng xét xử xem xét thống nhất thời hạn trả tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc bà L1 và ông B1 phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L.

Buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị L số tiền gốc là 91.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 11.205.000 đồng.

Bà Thạch Thị L không yêu cầu bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B trả lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Kim Thị L1 và ông Huỳnh Quang B phải chịu 5.110.250 đồng án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.